| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **35**/2025/DS-PT
Ngày 16 tháng 5 năm 2025
*"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Thế
Các Thẩm phán: Ông Triệu Ngọc Thức; ông Nguyễn Đức Nam

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2024/TLPT-DS, ngày 19 tháng 11 năm 2024, về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2025/QĐ-PT, ngày 17 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 2 năm 2025; Thông báo hoãn phiên toà số 36/TB-TA ngày 12/3/2025; Quyết định tạm ngừng phiên toà số 08/2025/QĐPT-DS ngày 17/4/2025, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Phùng Duy T, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt;

***- Bị đơn:*** Ông Đỗ Kim T1, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt;

***- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

+ Bà Trần Thị T2, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà T2:* Ông Đỗ Kim T1, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

+ Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt;

+ Cháu Phùng Đức A, sinh năm 2008; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt;

+ Ông Phùng Duy B, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt;

+ Bà Phùng Thúy H, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt;

+ Ông Phùng Duy T3, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt;

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt;

+ Chị Phùng Thị Mỹ L1, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt;

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Y, cháu Phùng Đức A, ông Phùng Duy B, bà Phùng Thị H1, ông Phùng Tiến T4, bà Nguyễn Thị L, chị Phùng Thị Mỹ L1:* Ông Phùng Duy T, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

+ Anh Phùng Quang H2, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang – *vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;*

+ Bà Phùng Thị T5, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

+ Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Đức C, chức vụ: Chủ tịch.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nông Trần B1, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;

+ Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Hữu H3, chức vụ: Chủ tịch.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lương Minh Q, chức vụ: Phó Chủ tịch. Vắng mặt;

* Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phùng Duy T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phùng Duy T trình bày:***

Năm 1966-1967, bố ông là cụ Phùng Văn C1 mở một con đường từ nhà ra Hợp tác xã Q1 (hiện nay là chợ trung tâm) để tiện cho việc đi lại, một nửa con đường nằm trong vườn nhà ông, nửa còn lại khai phá từ rừng rậm núi hoang mà có, hơn mười năm đầu tiên chỉ có gia đình ông sử dụng con đường đó. Năm 1999 một số hộ gia đình chuyển về khu vực tổ dân phố T, thị trấn T hiện nay sinh sống và hỏi gia đình ông cho đi nhờ con đường (gồm gia đình ông Đào Công C2, Đinh Văn T6, Nguyễn Văn M); đến năm 1992, ông Đỗ Kim T1 mua đất làm vườn cũng đi nhờ con đường đó; trên bản đồ 299 đo vẽ năm 1986, bản đồ đo vẽ năm 2009

cũng thể hiện rõ con đường của gia đình ông. Hiện nay gia đình ông không sử dụng diện tích đất tranh chấp để đi ra đường công cộng mà sử dụng lối đi khác ra phía đường cầu D. Trên phần đất lấn chiếm gia đình ông Đỗ Kim T1 đã đổ gỗ, lấn chiếm toàn bộ lối đi nên không còn đúng như hiện trạng trước đây. Căn cứ để ông xác định diện tích đất khoảng 650m$^2$ đất đường đi có nguồn gốc là của gia đình khai phá, cụ thể có xác nhận của các hộ dân sinh sống lâu năm gần khu vực đất tranh chấp, đã được tổ dân phố và Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H xác nhận quyền sử dụng đất là con đường thuộc gia đình ông. Ngoài ra năm 2011 khi Nhà nước làm đường T - Tân Phú cắt ngang con đường của gia đình có thu hồi 161m$^2$ đất thuộc lối đi của gia đình và đã bồi thường thiệt hại phần thu hồi. Do vậy ông khẳng định phần diện tích còn lại thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình, không phải lối đi công cộng. Năm 2018 ông T1 san ủi mặt bằng làm xưởng gỗ và nhà ở đã lấn chiếm một phần diện tích con đường của gia đình ông.

Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết buộc ông T1 tháo dỡ công trình xây dựng và cây cối trên đất, trả lại đất lấn chiếm khoảng 650m$^2$, vị trí từ mép đường nhựa mới mở T - T đến đỉnh đồi sát với vườn cây của gia đình ông, chiều dài khoảng 130 mét, chiều rộng trung bình khoảng 5 mét và buộc ông T1 bồi thường số tiền 50.000.000 đồng do sử dụng đất trái phép, nhưng tại phiên toà sơ thẩm ông (T) đã rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền bồi thường 50.000.000 đồng

Về án phí, chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Kim T1 trình bày:***

Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Duy T vì gia đình ông không lấn chiếm đất. Diện tích đất tranh chấp mà ông T cho rằng gia đình ông lấn chiếm là đất đường đi chung được thể hiện trên bản đồ giải thửa 299 và bản đồ đọc đạc địa chính, không thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ gia đình, cá nhân nào, không phải do bố ông T là cụ Phùng Văn C1 khai phá; các hộ gia đình trước đây cùng sử dụng con đường này gồm 05 hộ là gia đình ông và gia đình ông Đinh Văn T6, Đinh Thị H4, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Văn N. Con đường này hiện vẫn còn tồn tại nhưng do địa hình dốc, không có ai đi lại nên ông đã tự mở một đoạn đường ở vị trí khác để các hộ dân sử dụng đi ra đường công cộng. Nếu gia đình ông mà có sử dụng vào một phần lối đi trước đây thì đó cũng là đất công cộng, không phải đất thuộc quyền quản lý của ông T, sau này nếu thôn xóm mở lại lối đi cũ thì gia đình cũng tự nguyện trả lại đúng vị trí trước đây. Con đường này gia đình ông Phùng Duy T đã bỏ từ năm 1988 đến nay mới khởi kiện là không hợp lý. Ông thừa nhận có xây dựng nhà vào một phần lối đi chung nhưng gia đình ông cũng đã dành một phần đất để làm lối đi khác, đảm bảo cho các hộ dân thuận tiện đi lại, sản xuất; do vậy ông T không có quyền khởi kiện.

*Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Y, Phùng Đức A, Phùng Duy B, Phùng Thúy H, Phùng Duy T3, Nguyễn Thị L, Phùng Quang H2, Phùng Thị Mỹ L1, Phùng Thị T5:* Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên đều nhất trí với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Duy T, không có bổ sung, không có yêu cầu đề nghị gì khác.

*Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị T2:* Nhất trí với ý kiến của bị đơn Đỗ Kim T1, không bổ sung gì thêm.

** Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án:*

*Ông Nguyễn Đình C3 (tổ trưởng tổ dân phố T) cung cấp:* Diện tích đất tranh chấp giữa gia đình ông Phùng Duy T và ông Đỗ Kim T1 hiện tại là đoạn đường dân sinh trước đây được một số hộ gia đình gồm ông Phùng Văn C1 (bố đẻ ông T), ông Đào Công C2, ông Nguyễn Văn M, ông Đinh Văn T6 sử dụng để đi ra Hợp tác xã Q1 và đường công cộng, hiện nay là khu vực chợ T8 huyện H. Sau khi Hợp tác xã Q2 - T thì đoạn đường này cao hơn so với mặt đường nên việc đi lại khó khăn. Diện tích đất đang tranh chấp giữa các bên được thể hiện trên bản đồ là lối đi chung, không nằm trong thửa đất của gia đình ông T và ôngThụ.

*Ủy ban nhân dân thị trấn T cung cấp:* Diện tích đất hiện nay gia đình ông Phùng Duy T đang quản lý, sử dụng tại tổ dân phố T có nguồn gốc trước đây là đất của ông Phùng Văn C1, diện tích đất này được thể hiện tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 2a, bản đồ giải thửa 299 (năm 1994) mang tên chủ sử dụng là "Hộ ông C1". Thửa đất trên có diện tích 1.260m$^2$ đất ở và đất trồng cây lâu năm. Trên bản đồ giải thửa thể hiện có con đường nằm giữa các thửa số 5, 6, 7 của tờ 2a đi qua thửa số 8 của hộ ông C1 đi lên phía đỉnh đồi phía trên, con đường này có ghi chú quy hoạch đường dân sinh.

Trên Bản đồ địa chính (đo đạc năm 2009), diện tích đất của hộ gia đình ông Phùng Duy T sử dụng tại tổ dân phố T được thể hiện tại các thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16 với diện tích 11.725,4 m$^2$ đất NHK (đất trồng cây lâu năm khác) và thửa số 18, tờ bản đồ số 16 với diện tích 2.812,7m$^2$ đất ở, đất trồng cây lâu năm khác và đất ao. Cách các thửa đất số 55 và 78 nhà ông T có thể hiện con đường đi lên phía đỉnh đồi thuộc thửa số 50 (đất DGT- đất giao thông trong các bản đồ quy hoạch). Con đường này là đường dân sinh, không nằm trong ranh giới 02 thửa đất số 55 và 78 của gia đình ông T, không nằm trong ranh giới thửa đất của hộ gia đình, cá nhân nào khác. Khi ông T làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan đo đạc đã tiến hành đo gộp 02 thửa đất 55 và 78 của gia đình ông T hợp thành một thửa là thửa số 150, tờ bản đồ số 16 với tổng diện tích là 15.273,5m$^2$, trong đó bao gồm 120m$^2$ đất ở, 14.762,6m$^2$ đất trồng cây lâu năm và 309,9m$^2$ đất nuôi trồng thủy sản.

Tiến hành kiểm tra chồng ghép Bản đồ giải thửa 299 (đo đạc năm 1994) và Bản đồ địa chính (năm 2009) thể hiện cạnh các thửa đất mà gia đình ông Phùng Văn C1 sử dụng trước đây và các thửa đất gia đình ông Phùng Duy T sử dụng hiện nay đều có con đường đi từ đường công cộng phía dưới đi lên phía đỉnh đồi. Con đường này trùng khớp giữa hai bản đồ (giải thửa và địa chính) là diện tích đất đang tranh chấp hiện giữa ông Phùng Duy T và gia đình ông Đỗ Kim T1. Khi Nhà nước mở đường T - T thì lối đi này bị treo cao, việc đi lại khó khăn nên các hộ dân không còn sử dụng lối đi này để đi ra đường công cộng mà sử dụng lối đi khác là lối đi qua ngõ nhà ông T. Khi nhà nước thu hồi đất, gia đình ông T xuất trình giấy xác nhận về nguồn gốc đất, xác định diện tích đất thu hồi làm đường đi nằm trong diện tích lối đi do ông Phùng Văn C1 khai phá từ năm 1967, là đường đi riêng của gia đình. Do vậy ngày 01/01/2011, Ủy ban nhân dân thị trấn T tiến hành mở cuộc họp có sự tham gia của đại diện tổ dân phố T và các hộ lâu năm sinh sống ở khu vực đó. Tại cuộc họp các thành phần đã tiến hành lập biên

bản làm việc, xác định con đường đi này là do ông Phùng Văn C1 (bố ông T) khai phá mở đường năm 1967 nên nhất trí để ông T hoàn thiện hồ sơ gửi Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện H xem xét và gia đình ông T được nhà nước đền bù 161m$^2$ đất LNK thuộc thửa số 40, tờ bản đồ số 2 (Bản đồ thu hồi đất).

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST, ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 156, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 5, 11, 26, 31 Luật Đất đai năm 2024. Các Điều 158, 163, 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Đỗ Kim T1 bồi thường số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* do sử dụng đất tranh chấp.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Duy T. Buộc bị đơn ông Đỗ Kim T1 phải tháo dỡ công trình trên đất. Trả lại diện tích lấn chiếm là 42,9m$^2$ được nối bởi các điểm 6', 7', 8', 9', 21, 10', 6' (Theo sơ đồ đo vẽ không tách rời bản án).

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2024, nguyên đơn ông Phùng Duy T kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Đỗ Kim T1 dọn dẹp toàn bộ gỗ, khai thác cây keo trên đất trả cho gia đình ông diện tích đất đã lấn chiếm là 458,1m$^2$; phần diện tích 42,9m$^2$ mà ông T1 đã xây nhà lấn chiếm phải tháo đỡ để trả lại nguyên trạng thửa đất cho gia đình ông.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn ông Phùng Duy T tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quyết định của bảndân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, số tiền 7.040.000 đồng. Đề nghị miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Đỗ Kim T1 nhất trí việc nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và việc nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án, người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Người kháng cáo nguyên đơn ông Phùng Duy T có quyền kháng cáo, đơn kháng cáo còn trong thời hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung Bản án sơ thẩm

số 56/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;

Về nội dung: Do nguyên đơn, người kháng cáo rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang và đình chỉ giải quyết vụ án;

Ghi nhận ông Phùng Duy T tự nguyện chịu chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm thực hiện theo quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên;

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về tố tụng:

Ngày 04/10/2024, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phùng Duy T. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nguyên đơn ông Phùng Duy T thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định miễn nộp tiền tạm ứng án phí, thông báo về việc kháng cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

**[2]** Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phùng Duy T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Phùng Duy T khởi kiện yêu cầu gia đình ông Đỗ Kim T1 trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông khoảng 650m$^2$ vị trí từ mép đường nhựa mới mở T - T đến đỉnh đồi sát vườn cây nhà ông T, chiều dài khoảng 130m, chiều rộng trung bình khoảng 5m.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên thụ lý, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo chỉ dẫn của ông T ngoài thực địa xác định diện tích đất đang tranh chấp là 501m$^2$ trong đó có 42,9m$^2$ là diện tích ông T1 đã xây nhà trong ranh giới ông T đã chỉ dẫn ngoài thực địa. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T nhưng trong phần quyết định của bản án sơ thẩm chỉ buộc ông Đỗ Kim T1 phải tháo dỡ công trình trên đất, trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 42,9m$^2$ được nối bởi các điểm 6’, 7’, 8’, 9’, 21’, 10’, 6’ (theo sơ đồ đo vẽ không tách rời bản án).

Nguyên đơn ông Phùng Duy T kháng cáo, yêu cầu bị đơn ông Đỗ Kim T1 phải dọn dẹp toàn bộ gỗ, khai thác cây keo trên đất trả cho gia đình ông diện tích đất đã lấn chiếm còn thiếu theo yêu cầu khởi kiện là 458,1m$^2$. Nhưng tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn ông Phùng Duy T tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quyết định của bảndân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án

nhân dân huyện Hàm Yên, số tiền 7.040.000 đồng và được bị đơn ông Đỗ Kim T1 nhất trí.

Xét việc nguyên đơn ông Phùng Duy T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và được bị đơn đồng ý, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm cần huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chi phí tố tụng: Số tiền 7.040.000 đồng theo quyết định của bảndân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên do nguyên đơn ông Phùng Duy T nộp tạm ứng. Tại phiên toà phúc thẩm, ông T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3]** Về án phí dân sự:

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Thực hiện theo quyết định của bảndân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ghi nhận ông Phùng Duy T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, số tiền 7.040.000đ *(Bảy triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng)*. Ông T đã nộp đủ chi phí tó tụng.

Về án phí:

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Thực hiện theo quyết định của bảndân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 16/5/2025.

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bàn Văn Thế**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Nam** **Triệu Ngọc Thức** **Bàn Văn Thế**